

Số: /KH-UBND

Nam Cát Tiên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã Nam Cát Tiên năm 2026

Căn cứ Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (gọi tắt là Kế hoạch số 91/KH-UBND);

Căn cứ Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Kế hoạch số 182/KH-UBND);

Căn cứ Kế hoạch số 03-KH/BCĐ ngày 16/01/2026 của Ban chỉ đạo phát triển Khoa học, Công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số Triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (gọi tắt là Kế hoạch số 03-KH/BCĐ);

Căn cứ Kế hoạch số 273/KH-UBND ngày 04/6/2026 của UBND xã về Thực hiện Kế hoạch số 65-KH/ĐU ngày 11/5/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

UBND xã Nam Cát Tiên ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn xã năm 2026, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn xã theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW theo yêu cầu “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; bảo đảm việc thực hiện bám sát, cụ thể hóa đầy đủ các nhiệm vụ năm 2026 theo Nghị quyết số 11/NQ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch số 03-KH/BCĐ, Kế hoạch số 92/KH-

UBND, Kế hoạch số 91/KH-UBND; Kế hoạch số 182/KH-UBND; Kế hoạch số 03-KH/BCĐ và các văn bản chỉ đạo có liên quan. Nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và tinh thần đổi mới, sáng tạo của các phòng, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

Xác định rõ các lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của xã; bảo đảm sự kết hợp hợp lý giữa các nhiệm vụ mang tính nền tảng, thường xuyên với các nhiệm vụ mang tính đột phá, sáng tạo nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã. Tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã.

Việc triển khai các nhiệm vụ phải được thực hiện đồng bộ, thống nhất, có mục tiêu cụ thể, nguồn lực thực hiện, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành. Bảo đảm phân công rõ ràng về trách nhiệm, tiến độ và kết quả thực hiện; nâng cao tính khả thi, hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải.

Tăng cường công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị với tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; sử dụng kết quả triển khai làm căn cứ đánh giá, xếp loại thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định.

Bảo đảm 100% nhiệm vụ Trung ương, thành phố giao được theo dõi, giám sát, đánh giá trên Hệ thống theo dõi tình hình, thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; thông tin, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành được cập nhật đầy đủ, kịp thời, khách quan, có đối chiếu, kiểm chứng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện mục tiêu năm 2026 là năm tăng tốc, tạo chuyển biến rõ nét trong tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã. Tập trung triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm đóng góp thực chất, đo lường được vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng cung cấp dịch vụ công và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Kết quả thực hiện cải cách hành chính, chỉ số chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp hàng năm đạt khá. Đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến, việc thực hiện thủ tục hành chính tinh gọn, minh bạch, hiệu quả, lấy sự hài lòng của tổ chức và cá nhân làm thước đo, góp phần nâng cao niềm tin vào bộ máy chính quyền.

Kết quả triển khai chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công phần đầu xếp hạng trong 50/95 xã, phường của thành phố, tạo nền tảng để tiếp tục phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số ở địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1 Phát triển hạ tầng

(1) Phủ sóng các điểm cốt lõi mạng di động 5G tại trung tâm, các tuyến dân cư tập trung và khu vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm.

(2) Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ 01 Gbp/s 70%.

2.2 Phát triển nguồn lực

(1) Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên 2%.

(2) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số 100%

(3) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản 100%

(4) Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành 100%.

(5) Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông 90%.

2.3 Phát triển chuyển đổi số

(1) Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền 90%.

(2) Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” 100%.

(3) Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa 85%.

(4) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện 100%.

(5) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến 95%.

(6) Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp 90%.

(7) Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử 90%.

(8) Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử 100%.

(9) Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công 80%.

(10) Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công 90%.

(11) Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước 100%.

(12) Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử 100%.

(13) Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt 80%.

(14) Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) 80%.

(15) Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số 50%.

(16) Quy mô kinh tế số/GRDP đạt 15-17%.

(17) Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất 100%.

(18) Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị 100%.

(19) Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử 95%.

(20) Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác 95%.

(21) Tỷ lệ người dân được định danh số 100%.

(22) Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 100%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026

Trong thời gian tới, thành phố tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và các chương trình, kế hoạch, thông báo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo Chính phủ, Ban Chỉ đạo Thành phố, bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Trên cơ sở đó, UBND xã Nam Cát Tiên xác định một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2026 như sau:

1. Về cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương, thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn xã.

Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn và các sở, ngành của thành phố trong việc góp ý, đề xuất hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh; từng bước chuyển đổi phương thức hoạt động theo hướng số hóa, thương mại điện tử.

Tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư hạ tầng số, cung cấp dịch vụ số trên địa bàn xã.

2. Về xây dựng chương trình, kế hoạch của xã

Xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030 gắn với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số xã Nam Cát Tiên năm

2026 và định hướng giai đoạn 2026-2030, phù hợp với chương trình chuyển đổi số của thành phố.

Triển khai các mô hình ứng dụng chuyển đổi số phù hợp với cấp xã, như: Mô hình tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả; Hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt.

Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026 phù hợp điều kiện thực tế của xã. Kế hoạch hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ số.

Xây dựng các Chương trình, Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã, nhiệm kỳ 2025-2030. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số xã Nam Cát Tiên năm 2026 và Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030.

(Kèm theo phụ lục nhiệm vụ triển khai)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của xã theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có). Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tham gia xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã; kịp thời tham mưu các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm triển khai Kế hoạch đồng bộ, hiệu quả; thực hiện chế độ báo cáo theo chương trình công tác năm và quy định hiện hành.

Chủ trì tham mưu đề xuất các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội của xã.

Chủ trì xây dựng và triển khai kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, tập trung vào các nội dung: nâng cao tỷ lệ giáo viên, học sinh sử dụng nền tảng học tập trực tuyến; đẩy mạnh sử dụng chữ ký số, tài khoản định danh điện tử trong quản lý và điều hành giáo dục.

Định kỳ tổng hợp, xây dựng báo cáo tháng, quý, năm về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã; đề xuất các giải pháp, kiến nghị phù hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Tham mưu UBND xã gắn trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số; đồng thời đề xuất khen thưởng, biểu dương kịp thời

các tập thể, cá nhân thực hiện tốt và phê bình, xử lý phù hợp đối với các trường hợp thực hiện chưa nghiêm túc.

Chủ trì quản lý, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực phụ trách như: y tế, giáo dục, hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, thi đua - khen thưởng, kỷ luật, lao động - việc làm, đào tạo nghề, an sinh xã hội; định kỳ cập nhật số liệu phục vụ công tác quản lý, thống kê và báo cáo theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch; đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã theo mục tiêu đề ra.

Tham mưu UBND xã trong công tác xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh các văn bản chỉ đạo, điều hành thuộc thẩm quyền của UBND xã liên quan đến triển khai Kế hoạch.

Tham mưu UBND xã trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin do UBND xã quản lý; phối hợp với các cơ quan chuyên môn triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu UBND xã triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch thuộc lĩnh vực kinh tế, nông nghiệp theo chức năng được giao; phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện, bảo đảm đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý quy hoạch, giao thông, xây dựng và hạ tầng kỹ thuật; thực hiện chuẩn hóa, số hóa hồ sơ, bản đồ, dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước theo quy định.

Chủ trì tham mưu triển khai ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, nông nghiệp tuần hoàn; nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của xã, từng bước đưa sản phẩm tham gia các nền tảng thương mại điện tử theo quy định.

Chủ trì quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực đất đai, tài nguyên môi trường, xây dựng, theo phân công; phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các đơn vị liên quan cung cấp số liệu phục vụ công tác thống kê, báo cáo định kỳ.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Chủ trì tham mưu UBND xã tổ chức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung đề xuất các giải pháp rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước hạn và mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân.

Tổ chức thực hiện giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và quản trị nội bộ trên môi trường điện tử; trực tiếp quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng

Công Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp thành phố và các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền UBND xã theo phân cấp, hướng dẫn của UBND thành phố.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan liên quan trong công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ về tình hình giải quyết TTHC, dịch vụ công và chuyển đổi số trong lĩnh vực hành chính công.

5. Trung tâm dịch vụ Tổng hợp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Chủ trì xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch tuyên truyền về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã bằng các hình thức phù hợp; chú trọng tuyên truyền các mô hình hiệu quả, gương điển hình, sáng kiến, cách làm hay trong thực tiễn, theo dõi quản lý vận hành hệ thống truyền thanh thông minh hoạt động hiệu quả.

Thực hiện quản lý, khai thác và cập nhật dữ liệu liên quan đến các dịch vụ sự nghiệp công ích do đơn vị phụ trách; phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội trong công tác tổng hợp số liệu, thống kê, báo cáo định kỳ phục vụ công tác quản lý, điều hành theo quy định.

6. Công an xã

Chủ trì triển khai ứng dụng dữ liệu dân cư, tài khoản định danh điện tử (VNeID) và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số; quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về dân cư, an ninh trật tự; bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống liên quan.

Phối hợp triển khai ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; tăng cường phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật, nhất là các hành vi vi phạm trong môi trường không gian mạng.

Phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công, Phòng Văn hóa – Xã hội trong việc khai thác, xác thực dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công; cung cấp số liệu, thông tin phục vụ công tác thống kê, báo cáo định kỳ theo quy định.

7. Trạm Y tế xã

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; chủ động xây dựng kế hoạch của đơn vị trong việc ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ công tác phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Tham mưu triển khai chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; xây dựng, cập nhật và quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; kết nối, liên thông dữ liệu với hệ thống khám chữa bệnh; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng các ứng dụng số trong quản lý, theo dõi thông tin sức khỏe cá nhân.

Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội trong việc cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu y tế trên địa bàn; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu y tế theo quy định của pháp luật.

8. Các trường học trên địa bàn xã

Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trong nhà trường theo quy định, tập trung ứng dụng số điểm điện tử, học bạ điện tử, hệ thống quản lý trường học; tăng cường sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số, tài khoản định danh điện tử trong quản lý giáo dục; triển khai ứng dụng kỹ năng số cho học sinh.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn của xã trong công tác tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số; khuyến khích đội ngũ giáo viên nghiên cứu, đề xuất sáng kiến, mô hình ứng dụng chuyển đổi số phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam xã, các hội đoàn thể

Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã; vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng.

Tổ chức, duy trì các đội hình tình nguyện viên hỗ trợ đào tạo công dân số; triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số”.

Chỉ đạo Đoàn Thanh niên xã phát huy vai trò xung kích trong chuyển đổi số; phối hợp hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ công trực tuyến và sử dụng các nền tảng số theo quy định.

10. Đề nghị các Doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin

Chủ động đầu tư, ứng dụng công nghệ số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; chuyển đổi phương thức quản trị; triển khai hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và giao dịch trực tuyến theo quy định.

Phối hợp với Phòng Văn hóa – Xã hội và các cơ quan liên quan tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, người lao động; chia sẻ kinh nghiệm, mô hình, giải pháp công nghệ mới hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

Hợp tác cung cấp hạ tầng, dịch vụ và giải pháp công nghệ (viễn thông, phần mềm, IoT...) phục vụ triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của xã tham gia phát triển, nâng cao chất lượng hạ tầng số trên địa bàn xã, các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng liên quan đến doanh nghiệp viễn thông.

Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel...) căn cứ chức năng, lĩnh vực hoạt động, phối hợp với địa phương đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, từng bước triển khai các công nghệ mới theo định hướng của Trung ương, thành phố, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Nam Cát Tiên năm 2026; yêu cầu các phòng,

đơn vị triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND, UBND xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng, trung tâm thuộc xã;
- Công an xã;
- Các trường học trên địa bàn xã;
- Các tổ Công nghệ số cộng đồng ấp;
- Các DN viễn thông, CNTT khu vực;
- Lưu: VT, VHXXH(Cường).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Trương Hồng Phúc

PHỤ LỤC CÁC CHỈ TIÊU

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND

ngày / /2026 của UBND xã)

T T	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2026	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp
A	Phát triển hạ tầng				
1	Tỷ lệ phủ sóng mạng di động 5G tại trung tâm, các tuyến dân cư tập trung và khu vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm.	%	Phủ sóng các điểm cốt lõi	Phòng VH- XH	Các doanh nghiệp viễn thông
2	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ 01 Gbps	% người sử dụng	≥ 70%	Phòng VH- XH	Các doanh nghiệp viễn thông
B	Phát triển nguồn lực				
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	%	≥ 2% và tăng dần theo yêu cầu phát triển	Phòng Kinh tế	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
2	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cấp chữ ký số		100%	Phòng VH- XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.	%	100%	Phòng VH- XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.	%	100%	Phòng VH- XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.	%	≥ 90%	Phòng VH- XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã

T T	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2026	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp
C	<i>Phát triển chuyển đổi số</i>				
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.	%	$\geq 90\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
2	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.	%	100%	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.	%	$\geq 85\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.	%	100%	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	$\geq 95\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
6	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp	%	$\geq 90\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
7	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	$\geq 90\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
8	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	$\geq 80\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã

T T	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2026	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp
9	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	$\geq 90\%$	Trung tâm Phục vụ HCC	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
10	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước	%	100%	VP HĐND và UBND	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
11	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	100%	VP HĐND và UBND	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
12	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	100%	VP HĐND và UBND	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
13	Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt	%	$\geq 80\%$	Phòng kinh tế	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
14	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	%	$\geq 80\%$	Công an xã	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
15	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số	%	$\geq 50\%$	Phòng VH-XH	Các đơn vị viễn thông
16	Quy mô kinh tế số/GRDP	%	15-17%	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị
17	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	$\geq 90\%$	Phòng VH-XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
18	Quản lý nhà nước trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị	%	100%	Phòng VH-XH	Các phòng, ban trực thuộc UBND xã
19	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	$\geq 95\%$	Trạm Y tế xã	Các phòng, ban trực thuộc

T T	Chỉ tiêu cụ thể	Đơn vị tính	Đến hết năm 2026	Cơ quan theo dõi, đánh giá, kiểm tra, tổng hợp báo cáo	Đơn vị phối hợp
					UBND xã
20	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức khác được phép	%	$\geq 95\%$	Phòng Kinh tế	Các ngân hàng khu vực
21	Tỷ lệ người dân được định danh số	%	100%	Công an xã	BLĐ các ấp
22	Tỷ lệ các hệ thống thông tin phê duyệt và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	%	100%	Phòng VH-XH	Các phòng, ban thuộc UBND xã